

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐÔNG HƯNG  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/HNGĐ-ST

Ngày 30/7/2019

V/v: “Tranh chấp hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

\* *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Thành.

\* *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Là.

2. Ông Nguyễn Văn Hiến.

\* *Thư ký phiên tòa:* Bà Trịnh Lê Nhung – Thư ký Tòa án.

\* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa:*

**Bà Lại Thị Giang - Kiểm sát viên.**

Trong ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 61/2019/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 6 năm 2019 về: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXX-ST ngày 11 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* **Chị Nguyễn Thị V**, sinh năm 1992

HKTT: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã ĐX, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

\* *Bị đơn:* **Anh Lã Quý T**, sinh năm 1979

Trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

*(Chị V và anh T có mặt tại phiên tòa).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**1. Tại đơn xin ly hôn ngày 13/6/2019; Bản tự khai ngày 13/6/2019; Biên bản hòa giải các ngày 27/6/2019; 04/7/2019; 11/7/2019 và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị V nguyên đơn trình bày:**

\* *Về quan hệ hôn nhân:* Chị kết hôn với anh Lã Quý T ngày 18/01/2010 do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến tháng 5/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn do anh T hay chửi bới và đánh đập chị, vợ chồng đã sống ly thân từ

tháng 5/2019 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh Lã Quý T.

\* *Về con chung*: Chị và anh T có 02 con chung Lã Quý T1, sinh ngày 11/8/2011 và Lã Quý Đ, sinh ngày 13/3/2014. Ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cả hai con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

\* *Về tài sản và nợ*: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

**2. Tại Bản tự khai ngày 26/6/2019; Biên bản hòa giải các ngày 27/6/2019; 04/7/2019; 11/7/2019 và tại phiên tòa anh Lã Quý T bị đơn trình bày:**

\* *Về quan hệ hôn nhân*: Anh xác nhận lời khai của chị V về điều kiện hoàn cảnh chung sống là đúng. Sau khi về chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được 9 năm thì có xảy ra một số mâu thuẫn nhỏ. Nay chị V xin ly hôn, anh xin đoàn tụ gia đình để nuôi dạy con cái.

\* *Về con chung*: Anh và chị V có 02 con chung: Lã Quý T1, sinh ngày 11/8/2011 và Lã Quý Đ, sinh ngày 13/3/2014. Ly hôn anh có nguyện vọng nuôi con Lã Quý T1 và không yêu cầu chị V phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

\* *Về tài sản và nợ*: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

***Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa:***

\* Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, của thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

\* Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị V và anh T đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn, anh T có nguyện vọng xin đoàn tụ gia đình, có đưa ra nhiều giải pháp nhưng chị V vẫn cương quyết xin được ly hôn với anh T. Vì vậy xác định việc đoàn tụ giữa chị V và anh T cũng không có kết quả và xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài nên đề nghị HĐXX xử cho chị V được ly hôn anh T.

- Về con chung: Chị V và anh T có 02 con chung: Lã Quý T1, sinh ngày 11/8/2011 và Lã Quý Đ, sinh ngày 13/3/2014. Ly hôn, chị V có nguyện vọng nuôi cả 02 con, anh T có nguyện vọng nuôi con Lã Quý T1. Hai bên đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét nguyện vọng của chị V và anh T đều chính đáng, tuy nhiên xét thấy việc chị V có nguyện vọng nuôi cả 02 con là không phù hợp vì cháu Lã Quý T1 đã có nguyện vọng ở với anh T. Vì vậy cần giao cho chị V nuôi con Lã Quý Đ và anh T nuôi con Lã Quý T1, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về tài sản và nợ: Chị V và anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.
- Về án phí: Chị V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi xem xét toàn bộ các tài liệu chứng cứ và ý kiến của các đương sự tại lời khai và các biên bản hòa giải, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn, bị đơn đang cư trú tại huyện Đông Hưng, quá trình giải quyết vụ án bị đơn không thay đổi nơi cư trú, vì vậy căn cứ vào các Điều 28; 35; 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân huyện Đông Hưng giải quyết là đúng pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị V kết hôn với anh Lã Quý T ngày 18/01/2010 do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến tháng 5/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị V, anh T đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, cũng có xảy ra cãi vã, anh T thừa nhận có tát và dùng khúc luồng đánh chị V. Quá trình giải quyết anh T có nguyện vọng xin đoàn tụ gia đình vì con cái, hứa sẽ thay đổi và cũng đưa ra nhiều giải pháp để vợ chồng trở lại đoàn tụ, tuy nhiên chị V vẫn cương quyết xin ly hôn và cho rằng khi chung sống, anh T đã không tôn trọng, thường xuyên chửi bới, đánh và xúc phạm chị, chị cho rằng anh T chỉ hứa chứ thực tế anh không thay đổi vì mỗi lần xuống tìm chị về anh đều mắng chửi chị, việc đoàn tụ cũng không có hạnh phúc nên chị không chấp nhận đoàn tụ gia đình với anh T. Chị V, anh T đã sống ly thân từ tháng 5/2019, nay chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh Lã Quý T.

[2.1] Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 04/7/2019 giữa chị V và anh T, UBND xã Đ cung cấp như sau: Chị V, anh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình anh T tại thôn T, xã Đ, thời gian gần đây chị V, anh T có xảy ra mâu thuẫn, tuy nhiên mâu thuẫn cụ thể thì địa phương không nắm rõ. Hiện nay chị V đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã ĐX sinh sống. Nay chị V xin ly hôn đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nếu chị V cương quyết xin ly hôn anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị V, anh T có 02 con chung là Lã Quý T1, sinh ngày 11/8/2011 và Lã Quý Đ, sinh ngày 13/3/2014.

[2.2] Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần để chị V suy nghĩ lại cũng như cho anh T có thời gian để đưa ra giải pháp để anh chị quay về

đoàn tụ gia đình. Tuy nhiên anh T cũng đã đưa ra nhiều giải pháp để vợ chồng quay về đoàn tụ gia đình, tại các buổi hòa giải Tòa án đã phân tích, khuyên giải và tại phiên tòa đã được HĐXX, đại diện kiểm sát khuyên bảo nhưng chị V vẫn cương quyết xin được ly hôn với anh T và cho rằng có đoàn tụ thì gia đình cũng không có hạnh phúc nên HĐXX nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa chị V, anh T đã trầm trọng việc đoàn tụ gia đình cũng không có kết quả nên xác định cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị V vẫn cương quyết xin ly hôn với anh T nên cần được chấp nhận là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tại phiên tòa.

[3] *Về con chung*: Chị V và anh T có 02 con chung: Lã Quý T1, sinh ngày 11/8/2011 và Lã Quý Đ, sinh ngày 13/3/2014. Ly hôn, chị V có nguyện vọng nuôi cả 02 con và anh T có nguyện vọng nuôi con Lã Quý T1, không bên nào yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Quá trình giải quyết vụ án chị V, anh T đều chứng minh có đủ điều kiện về thu nhập, nơi ở, điều kiện chăm sóc giáo dục nên xét nguyện vọng của chị V, anh T đều chính đáng. Tuy nhiên việc chị V có nguyện vọng nuôi cả 02 con là không phù hợp vì cháu Lã Quý T1 đã có lời khai xin được ở với anh T. Vì vậy cần giao con Lã Quý T1 cho anh T nuôi và giao con Lã Quý Đ cho chị V nuôi, các bên không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau cần được chấp nhận.

[4] *Về tài sản và nợ*: Chị V, anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 81; 82; 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Lã Quý T.

**2. Về con chung:** Xử giao con Lã Quý T1, sinh ngày 11/8/2011 cho anh T trực tiếp nuôi, giao con Lã Quý Đ, sinh ngày 13/3/2014 cho chị V trực tiếp nuôi, không bên nào phải cấp dưỡng cho nhau. Việc thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng được đặt ra khi một trong các bên có yêu cầu. Người không trực tiếp

nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

**3. Về tài sản:** Chị V, anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

**4. Về án phí:** Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng chị V đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008046 ngày 13/6/2019 thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

*Quyền kháng cáo:* Chị V, anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Đông Hưng;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(đã ký)**

**HOÀNG VĂN THÀNH**